

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST

Ngày: 08-9-2022

V/v “tranh chấp quyền sử dụng
đất; tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất; yêu
cầu hủy Quyết định hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lữ Minh Luân.

Ông Nguyễn Tấn Rôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy Quyết định hành chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N - Sinh năm 1954 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: ấp Y, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 10-02-2020 - có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị L - Sinh năm 1967 - Địa chỉ: ấp P, xã G, huyện K, tỉnh Long An. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Minh - Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn Minh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ - Địa chỉ trụ sở: khu phố 2, thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ - Địa chỉ trụ sở: ấp 1, xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3. Bà Phạm Thị Kim O - Sinh năm 1964 - Địa chỉ: ấp U, xã R, huyện C, tỉnh Long An. (có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Hồng H1 - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: 710/5C1 khu phố 2, phường Q, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11-02-2020, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị N do ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày và yêu cầu:

Bà N là người dân huyện Châu Thành, thực hiện chủ trương di dân đi kinh tế mới tại huyện Đức Huệ nên được Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ giao đất chưa sử dụng cho cá nhân khai hoang sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 2283/2000/QĐ.UB ngày 31-10-2000 với diện tích đất 24.510m², thửa số 296, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Bình Thành, nay thuộc một phần các thửa 209, 210, 224 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Sau khi được giao đất bà N tiến hành khai hoang sản xuất nhưng bị bà Huỳnh Thị Niệm ngăn cản diện tích đất 9.908m² theo đo đạc thực tế là 5.562m², thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4 xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ. Bà N có báo với Ban quản lý khu kinh tế mới nhưng bà Niệm vẫn tranh chấp gay gắt nên bà N không canh tác được. Năm 2014, bà N tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất thì con bà Niệm là bà Trần Thị L ngăn cản (bà Niệm đã chết). Bà L cho rằng đất này là của bà Niệm tặng cho lại bà L.

Bà N khởi kiện yêu cầu bà L trả cho bà N diện tích đất 5.562m², thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4 xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ.

- Tại bản tự khai ngày 11-6-2020, quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 5.562m², thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4 xã Mỹ Bình là của mẹ của bà (bà Huỳnh Thị Niệm - đã chết) khai hoang từ năm 1988 để trồng lúa. Tổng cộng 10 hecta. Từ năm 1988 đến năm 1997 bà Niệm trồng lúa, tiếp đến trồng bạch đàn nước lũ chết bà Niệm trồng xoài đến

năm 2000 nước lũ chết, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình hỗ trợ 2.000.000 đồng. Từ năm 2000 bà Niệm bao bờ trồng thôm đến năm 2015 bà Niệm chết. Bà phá thôm trồng bạch đàn đến năm 2017 thì bà bán toàn bộ diện tích đất 60.000m² cho bà O trong đó có 01 phần thửa 224 diện tích 5.562m² tọa lạc ấp 1, xã Mỹ Bình mà bà N đang tranh chấp. Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Vì bà Niệm có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng đối với diện tích đất tranh chấp.

- Theo đơn khởi kiện ngày 01-11-2021, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Phạm Thị Kim O trình bày và yêu cầu:

Ngày 22-5-2017, bà L chuyển nhượng cho bà một số đất trong đó có diện tích đất 5.562m² (theo đo đạc thực tế), thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4 xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ mà bà N đang tranh chấp với bà L. Khi nhận chuyển nhượng bà L đưa cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng và giao toàn bộ đất cho bà quản lý từ đó đến nay. Bà yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà L ngày 22-5-2017 và hủy 01 phần Quyết định số 2283/2000/QĐ.UB ngày 31-10-2000 về việc giao cho bà N diện tích 5.562m² thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4 xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ.

Tại phiên tòa:

- Bà N rút lại một phần nội dung yêu cầu khởi kiện đối với bà L về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 4.346m².

- Các đương sự gồm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà L, bà O thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án đề nghị Tòa án ghi nhận các nội dung như sau:

+ Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị L và bà Phạm Thị Kim O được xác lập vào ngày 22-5-2017.

+ Bà Lê Thị N, bà Trần Thị L có nghĩa vụ giao diện tích đất 5.562m² (theo đo đạc thực tế), thuộc một phần thửa 224, loại đất RSX, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ cho bà Phạm Thị Kim O được toàn quyền sử dụng. Vị trí đất có tứ cận:

Đông giáp: thửa 441.

Tây giáp: bờ đất.

Nam giáp: Bờ kênh.

Bắc giáp: thửa 224 TĐ.

(Các thửa đất nói trên độ dài từng cạnh theo trích đo bản đồ địa chính ngày 30-7-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 13-10-2020).

+ Bà Phạm Thị Kim O rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2283/2000/QĐ.UB ngày 31-10-2000 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ về việc giao cho bà Lê Thị N diện tích đất 5.562m² (theo đo đạc thực tế), thuộc một phần thửa 224, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ.

+ Bà Phạm Thị Kim O có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị N 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

+ Bà Lê Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bà Trần Thị L trình bày: Bà N, bà L, bà O đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà O rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy một phần quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà O.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà O rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện nên đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà N khởi kiện bà L tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa số 224, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc ấp 1, xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Bà O khởi kiện độc lập yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà O với bà L và yêu cầu hủy một phần quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ. Vụ việc đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp quyền sử dụng đất; tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính”, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình và bà Nguyễn Thị Hồng H1 vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt là bà O đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình, bà Nguyễn Thị Hồng H1 vắng mặt tại phiên tòa nên để đảm bảo quyền kháng cáo cho các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà vẫn tiến hành xét xử và ban hành bản án.

[4] Các bên đương sự đồng ý kết quả mảnh trích đo địa chính số 1570-2020 ngày 30-7-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 13-10-2020, đồng ý kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30-6-2020 và kết quả định giá tài sản ngày 30-6-2020 và chứng thư thẩm định giá ngày 14-6-2021. Các đương sự chỉ yêu cầu giải quyết về diện tích đất, không tranh chấp về tài sản và giá trị tài sản trên đất nên Hội đồng xét xử tính án phí đối với tranh chấp về quyền sử dụng đất.

[5] Tại phiên tòa, bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện; bà O rút một phần yêu cầu khởi kiện. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà N và của bà O là tự nguyện, không có ý kiến về việc bà N, bà O rút một phần yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà O về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ.

[6] Bà N, bà L và bà O thống nhất nội dung:

[6.1] Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị L và bà Phạm Thị Kim O được xác lập vào ngày 22-5-2017.

[6.2] Bà Lê Thị N, bà Trần Thị L có nghĩa vụ giao diện tích đất 5.562m² (theo đo đạc thực tế), thuộc một phần thửa 224, loại đất RSX, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ cho bà Phạm Thị Kim O được toàn quyền sử dụng. Vĩ trí đất có tứ cận:

Đông giáp: thửa 441.

Tây giáp: bờ đất.

Nam giáp: Bờ kênh.

Bắc giáp: thửa 224 TĐ.

(Các thửa đất nói trên độ dài từng cạnh theo trích đo bản đồ địa chính ngày 30-7-2020 của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 13-10-2020).

[6.3] Bà Phạm Thị Kim O rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ về việc giao đất cho bà N.

[6.4] Bà Phạm Thị Kim O có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị N 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

[6.5] Bà N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng.

[7] Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Với những nhận định trên, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[9] Cũng với những nhận định các mục [4], [5], Hội đồng xét xử cũng chấp nhận toàn bộ đề nghị của người bảo vệ lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[10] Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá tài sản: Tổng cộng 12.322.000 đồng. Bà N tự nguyện chịu toàn bộ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí: Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho O đối với phần rút yêu cầu khởi kiện. Phần công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà O phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà N là 24.000.000 đồng $[(20.000.000 \text{ đồng} + 4\%) \times 100.000.000 \text{ đồng}]$. Bà N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên tổng cộng bà N phải chịu 24.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 158, Điều 228, Điều 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 3 Điều 13 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" với bà Trần Thị L đối với diện tích đất 4.346m².

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim O về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2283/2000/QĐ.UB ngày 31-10-2000 của Ủy ban nhân dân

huyện Đức Huệ về việc giao cho bà Lê Thị N diện tích đất 5.562m², thuộc một phần thửa 224, loại đất RSX, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị N với bà Trần Thị L và bà Phạm Thị Kim O về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" với diện tích đất 5.562m² cụ thể như sau:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị L và bà Phạm Thị Kim O được xác lập vào ngày 22-5-2017.

- Bà Lê Thị N, bà Trần Thị L có nghĩa vụ giao diện tích đất 5.562m² (theo đo đạc thực tế), thuộc một phần thửa 224, loại đất RSX, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ cho bà Phạm Thị Kim O được toàn quyền sử dụng. Vị trí đất có tứ cận:

Đông giáp: thửa 441.

Tây giáp: bờ đất.

Nam giáp: Bờ kênh.

Bắc giáp: thửa 224 TĐ.

(Các thửa đất nói trên độ dài từng cạnh theo trích đo bản đồ địa chính ngày 30-7-2020 của của Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên môi trường biên khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 13-10-2020).

- Bà Phạm Thị Kim O được trọn quyền sử dụng diện tích đất 5.562m² (theo đo đạc thực tế), thuộc một phần thửa 224, loại đất RSX, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ Bình, huyện Đức Huệ.

Đất hiện do bà L đang quản lý nhưng bà Lê Thị N đứng tên trong Quyết định số 2283/2000/QĐ.UB ngày 31-10-2000 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ.

- Người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

- Bà Phạm Thị Kim O có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị N 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

4. Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Lê Thị N tự nguyện chịu 12.322.000 đồng (đã nộp tạm ứng và chi phí xong).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Trả lại cho bà O 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0005023 ngày 15-11-2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

- Bà Lê Thị N phải chịu 24.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu số 0004967 ngày 19-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà N phải nộp L 21.800.000 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái